

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 02 năm 2024

Năm thứ mười bảy

Mục lục

- Bàn về nội dung công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở địa phương hiện nay 3
Trần Minh Đức, Nguyễn Hoàng Yến
- Dự báo phát thải khí nhà kính ở Việt Nam đến năm 2030 và hàm ý chính sách..... 10
Hồ Trọng Phúc, Trương Tấn Quân, Phạm Xuân Hùng, Hoàng Thị Liễu
- Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định trồng rau VietGAP tại vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung..... 29
Tống Thị Hải Hạnh, Hoàng Hồng Hiệp
- Chất lượng điều hành kinh tế với phát triển hệ thống doanh nghiệp vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung 39
Châu Ngọc Hoè
- Phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp tạo nguồn hàng cho phát triển dịch vụ logistics tại tỉnh Quảng Nam 48
Phan Thị Sông Thương, Hồ Thị Kim Thùy, Nguyễn Hữu Thanh, Nguyễn Tất Trường
- Tác động của trải nghiệm khách hàng trực tuyến đến ý định mua lặp lại của khách hàng tại thành phố Huế 59
Lê Ngọc Anh Vũ
- Tình trạng việc làm của lao động nữ nông thôn huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế 73
Dương Thị Dung Hạnh, Nguyễn Thị Thanh Thảo
- Khám phá mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức và sự gắn kết nhân viên: Nghiên cứu định tính về ngành ngân hàng..... 81
Tô Phước Hải, Trương Minh Ký
- Tình hình xây dựng, trùng tu đình làng xứ Quảng qua các thời kì lịch sử..... 93
Lê Xuân Thông
- Chúa Tiên Nguyễn Hoàng với vùng đất Duy Xuyên..... 105
Ngô Văn Minh
- Tiến trình phát triển, phục dựng và phát huy nghệ thuật Bài Chòi tỉnh Khánh Hòa trong xã hội đương đại 112
Nguyễn Thị Thanh Xuyên, Ngô Đức Chí, Hoàng Thị Thu Hương
- Một số khó khăn, thách thức đặt ra trong phát huy ý chí tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay 127
Nguyễn Văn Thắng
- Biến đổi cấu trúc gia đình người Chăm Balamôn trong quá trình hội nhập..... 135
Võ Văn Dũng
- Vẻ đẹp thị giác trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương..... 142
Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Phạm Văn Hoá

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 02 năm 2024.

In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiếu tháng 6/2024.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 02, 2024

The 17th Year

Contents

1. Discussing the current legal dissemination and education on environmental protection in localities.....**3**
Tran Minh Duc, Nguyen Hoang Yen
 2. Forecasting greenhouse gas emissions in Vietnam by 2030 and policy implications..... **10**
Ho Trong Phuc, Truong Tan Quan, Pham Xuan Hung, Hoang Thi Lieu
 3. Factors influencing farmers' decisions to adopt VietGAP in vegetable production in the Central key economic region.....**29**
Tong Thi Hai Hanh, Hoang Hong Hiep
 4. The impact of local economic governance quality on the development of the enterprise system in the Central key economic region.....**39**
Chau Ngoc Hoe
 5. Developing economic zones and industrial parks to generate sources of goods for logistics service growth in Quang Nam province**48**
Phan Thi Song Thuong, Ho Thi Kim Thuy, Nguyen Huu Thanh, Nguyen Tat Truong
 6. The impact of online customer experience on customers' repurchase intention in Hue city ...**59**
Le Ngoc Anh Vu
 7. Rural female workers' employment status in Phu Vang district, Thua Thien Hue province.....**73**
Duong Thi Dung Hanh, Nguyen Thi Thanh Thao
 8. The relationship between organizational culture and employee engagement: A qualitative study on the banking industry.....**81**
To Phuoc Hai, Truong Minh Ky
 9. The construction and restoration of communal houses in the Quang region during historical periods.....**93**
Le Xuan Thong
 10. The first Lord Nguyen Hoang and the land of Duy Xuyen..... **105**
Ngo Van Minh
 11. The process of developing, restoring, and promoting the art of Bai Choi in Khanh Hoa province in the contemporary society **112**
Nguyen Thi Thanh Xuyen, Ngo Duc Chi, Hoang Thi Thu Huong
 12. Difficulties and challenges in promoting the will of self-reliance and resilience among ethnic minorities in the current context..... **127**
Nguyen Van Thang
 13. Changes in family structure of Cham Brahman in the integration process **135**
Vo Van Dung
 14. Visual beauty in Ho Xuan Huong's Nom poetry..... **142**
Nguyen Thi Hong Hanh, Pham Van Hoa
-

Chúa Tiên Nguyễn Hoàng với vùng đất Duy Xuyên

Ngô Văn Minh

Học viện Chính trị khu vực III

Email liên hệ: ngovanminhhvkv3@gmail.com

Tóm tắt: Chỉ trong vòng 5 năm, từ sau chuyển trở về Thuận Hóa rồi không ra Bắc nữa, Nguyễn Hoàng đã có 4 quyết định liên quan đến vùng đất Duy Xuyên là cho đặt lỵ sở dinh Quảng Nam tại huyện Hy Giang để rồi tiếp theo đó cho đổi tên huyện Hy Giang thành huyện Duy Xuyên, lại cho xây hai ngôi chùa Phật giáo Long Hưng và Bửu Châu. Các quyết định đó cho thấy, Nguyễn Hoàng là người khai sinh tên gọi hành chính “huyện Duy Xuyên” và xiển dương cho Phật giáo tại vùng đất này, cũng như tạo cho Duy Xuyên có một vai trò quan trọng là nơi đóng lỵ sở dinh Quảng Nam. Tất cả đều nằm trong tầm nhìn chiến lược của Chúa Tiên - người có công lớn mở cõi về phương Nam.

Từ khoá: *huyện Duy Xuyên, huyện Hy Giang, Nguyễn Hoàng, lỵ sở dinh Quảng Nam, Phật giáo.*

The first Lord Nguyen Hoang and the land of Duy Xuyen

Abstract: During the period from 1602 to 1607, Lord Nguyễn Hoàng made four important decisions regarding the land of Duy Xuyên, including establishing the administrative center of Quảng Nam in Hy Giang district, renaming Hy Giang district to Duy Xuyên district, and building two Buddhist temples, Long Hưng and Bửu Châu. These decisions demonstrate that Nguyễn Hoàng was the pioneer in establishing the administrative name "Duy Xuyên district" and promoting Buddhism in this region, as well as assigning Duy Xuyên an important role as the administrative center of Quảng Nam. All of these were part of his strategic vision – a vision that greatly contributed to the expansion towards the South.

Keywords: Duy Xuyên district, Hy Giang district, Lord Nguyen Hoang, administrative center of Quảng Nam, Buddhism.

Ngày nhận bài: 18/5/2024 **Ngày phản biện:** 25/5/2024 **Ngày duyệt đăng:** 10/6/2024

1. Đặt vấn đề

Cuốn sử biên niên *Đại Nam thực lục tiền biên* của Quốc sử quán Triều Nguyễn ghi chép về sự nghiệp của 9 chúa Nguyễn, cho biết trong đời chúa Nguyễn Hoàng, chỉ 5 năm (từ 1602 đến 1607) ông đã có những quyết định quan trọng liên quan trực tiếp đến vùng đất Duy Xuyên. Các quyết định này có mối liên hệ với nhau, đều nằm trong một sự hoạch định chung của vị chúa Nguyễn đầu tiên mở nghiệp Chúa ở phương Nam, cũng là xây nền nghiệp đế về sau cho vương triều Nguyễn.

2. Khai sinh địa danh hành chính “huyện Duy Xuyên”

Vùng đất huyện Duy Xuyên hiện nay thuộc về quốc gia Đại Việt khi nào? Theo *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán Triều Nguyễn thời Tự Đức, vùng đất này “nguyên là đất Chiêm Động của Chiêm Thành. Đời Trần lấy cho lệ vào châu Thăng; đời Lê đổi làm huyện Hy Giang, lệ vào phủ Thăng Hoa” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, 390). Thế nhưng, theo học giả Đào Duy Anh thì phải đến thời Nhà Hồ mới có vùng đất thuộc huyện Duy Xuyên hiện nay, bởi Duy Xuyên thuộc về châu Thăng mà châu Thăng và châu Hoa do Nhà Hồ đặt ra sau khi đã chiếm đất Chiêm Động của Chiêm Thành, “châu Thăng và châu Hoa phải là vào khoảng từ sông Chợ Củi đến sông Bến Ván, đại khái thì châu Thăng là miền Thăng Bình và Duy Xuyên, châu Hoa là miền Tam Kỳ. Ba huyện Lê Giang, Đồ Hòa và An Bị của châu Thăng đại khái là tương đương với ba huyện Lễ Dương, tức huyện Thăng Bình, huyện Duy Xuyên và huyện Quế Sơn ngày nay (Đào Duy Anh, 2005, 165).

Bằng tư liệu điền dã, Huỳnh Công Bá (2018) đã nhận định: “ngay từ đầu thế kỷ XIV, ít nhất là khoảng 10 năm sau ngày đám cưới Huyền Trân - Chế Mân, đã có người Việt đến khai khẩn vùng đất Bắc Quảng Nam - Đà Nẵng. Địa bàn khai phá lúc bấy giờ diễn ra trên địa bàn trọng điểm của đồng bằng Thu Bồn và ở phía nam sông này, thuộc đất của Duy Xuyên về sau. Như vậy, biên giới phía nam của châu Hóa thời Trần không dừng lại ở bờ bắc sông chợ Củi” (Huỳnh Công Bá, 2018, 43), cụ thể là nội dung bản cổ chỉ ở Bàn Thạch và bia đá ở Lang Châu cho biết từ thời Trần đã có người Việt từ phía bắc theo lệnh vua Trần vào khai khẩn hai vùng đất này (Huỳnh Công Bá, 2018, 42-43). Thời Nhà Hồ tiếp tục có những lưu dân vào khai khẩn đất đai ở Thăng Hoa, nhưng Nhà Hồ tồn tại không được bao lâu thì bị Nhà Minh (Trung Quốc) sang xâm lược. Chiêm Thành nhân đó đem quân đánh ra khiến cho công cuộc khai khẩn của người Việt ở vùng đất này bị đình trệ. Nó chỉ được tiếp tục trở lại, rầm rộ, vững chắc và liên tục kể từ sau thắng lợi của cuộc nam chinh năm 1471, vua Lê Thánh Tông “lấy đất Chiêm Thành đặt làm thừa tuyên Quảng Nam và vệ Thăng Hoa” (Đại Việt sử ký toàn thư, 1993). Gia phả nhiều tộc ở Duy Xuyên cho biết điều này. Ví như tộc Trần Quang, tộc Nguyễn Thanh làng Phú Thuận, tộc Nguyễn Văn làng Trang Điền⁽¹⁾, tộc Ngô Đình ở Thanh Châu⁽²⁾. Hoặc tài liệu *Ngũ xã Trà Kiệu Xưa & Nay* cho biết cả một quá trình lưu dân từ đất Bắc đến khai khẩn, định cư ở đây, tổng cộng có 69 vị tổ (Tiền Hiền, Hậu Hiền, Liệt Tổ) thuộc 63 tộc được thờ chung trong một ngôi đình (Hội đồng chư tộc Ngũ xã Trà Kiệu, 2005, 21).

Với công cuộc khai khẩn lập làng trải trong gần 300 năm, nếu tính từ thời Trần, hay tính từ khi tình hình khai khẩn đã ổn định, liên tục kể từ thời vua Lê Thánh Tông cho đến đầu thế kỷ XVII cũng đã hơn 130 năm thì cơ bản vùng đất này đã ổn định trong đơn vị hành chính thừa tuyên Quảng Nam, rồi xứ Quảng Nam. Theo sách *Đại Nam thực lục tiền biên*, khi Đoàn quận công Nguyễn Hoàng đeo ấn Tổng trấn tướng quân, kiêm lãnh cả hai xứ Thuận Hóa và Quảng Nam vào tháng giêng năm Canh Ngọ [1570] thì bấy giờ Quảng Nam có 3 phủ, 9 huyện, gồm: Phủ Thăng Hoa lĩnh 3 huyện là Lê Giang, Hà Đông, Hy Giang; phủ Tư Nghĩa lĩnh 3 huyện là Bình Sơn, Mộ Hoa, Nghĩa Giang; phủ Hoài Nhân lĩnh 3 huyện là Bồng Sơn, Phù Ly, Tuy Viễn. Huyện Điện Bàn bấy giờ thuộc phủ Triệu Phong của xứ Thuận Hóa, lĩnh 2 châu là Thuận Bình và Sa Bồn (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, 29).

Cũng sách *Đại Nam thực lục tiền biên* cho biết vào năm Giáp Thìn 47 [1604], Nguyễn Hoàng “lấy huyện Điện Bàn thuộc phủ Triệu Phong đặt làm phủ Điện Bàn, quản 5 huyện (Tân Phúc, An Nông, Hòa Vang, Diên Khánh, Phú Châu), lệ thuộc vào xứ Quảng Nam. Đổi phủ Tiên Bình làm phủ Quảng Bình, phủ Tư Ngãi làm phủ Quảng Ngãi, huyện Lê Giang thuộc phủ Thăng Hoa (nay đổi làm Thăng Bình) làm huyện Lễ Dương, huyện Hy Giang làm huyện Duy Xuyên” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, 36). Như vậy, tên gọi hành chính “huyện Duy Xuyên” do Nguyễn Hoàng khai sinh, ra đời từ đây. Danh xưng hành chính “huyện Duy Xuyên” ra đời không gắn liền với sự thành lập một huyện mới mà đó chỉ là sự chuyển đổi từ danh xưng hành chính “huyện Hy Giang” cũng của phủ Thăng Hoa mà ra. Tuy nhiên, đây không chỉ là một sự thay đổi địa danh hành chính bình thường mà nằm trong một cuộc cải cách lớn về hành chính của chúa Tiên Nguyễn Hoàng, thể hiện sự quyết đoán của ông, bởi đặt địa danh, sắp xếp đơn vị hành chính là quyền của vua. Có thể thấy, nếu như vào năm 1471, việc khai sinh đơn vị hành chính “thừa tuyên Quảng Nam”, sau đó đổi thành xứ thừa tuyên (vào năm 1490) (Nhiều tác giả, 2017, 503) đều do vua Lê Thánh Tông quyết định, đến năm 1604, Nguyễn Hoàng tự vạch lại đơn vị hành chính, cũng như đổi địa danh các phủ, huyện thì đúng là ông “đã dùng quyền hoạch định hành chính và quyền địa danh (naming rights) để tỏ rõ ý đồ muốn ly khai chúa Trịnh, hình thành ở phương Nam một chính quyền riêng (Đàng Trong) để đối trọng với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài” (Cao Chư, 2022, 166). Khi nhận ra những hành động quyết đoán của Nguyễn Hoàng, triều thần nhà Lê muốn xử trí, nhưng biết thế lực của ông đã mạnh nên “Trịnh Tùng sợ việc dùng binh, không dám dấn động” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, 35).

Tuy về sau địa dư có nhiều lần thay đổi: năm Minh Mạng thứ 8 [1827] sáp nhập thêm tổng Tân An của huyện Hà Đông vào huyện Duy Xuyên; năm Minh Mạng thứ 17 [1836] huyện Duy Xuyên sáp nhập vào phủ Điện Bàn, lại cắt 4 tổng của huyện Duy Xuyên đặt làm huyện Quế Sơn;

năm Đồng Khánh thứ 3 [1888] trích 3 xã thuộc tổng Thuận An, 2 xã thuộc tổng Tân An của huyện Duy Xuyên sáp nhập vào huyện Lễ Dương; năm Thành Thái thứ 4 [1892] trích thôn Đông Lân tổng Mậu Hòa sáp nhập vào huyện Quế Sơn và tổng Xuân Phú đổi thành xã Xuân Phú⁽³⁾ (Phan Huy Chú, 1992, 166). Sau Cách mạng tháng Tám có một số xã của Duy Xuyên chuyển sang huyện Thăng Bình (Tân An, Hà Bình, Bình Tịnh), Đại Lộc (Tân Mỹ, An Phước, Tam Mỹ, Duy Lộc, Mỹ Phúc, Gia Cốc, Tư Châu, Lâm Yên, Phước Chánh, Phú An, Đại Khương), Hội An (Kim Bông và một phần của Trà Nhiêu) (Đảng bộ huyện Duy Xuyên, 1996, 117), nhưng *tên gọi Duy Xuyên vẫn tồn tại, tính đến nay đã 420 năm*. Phần lớn trong thời gian đó, tên gọi “Duy Xuyên” gắn liền với tên gọi hành chính cấp huyện - “huyện Duy Xuyên”, chỉ một thời gian ngắn với tên gọi hành chính là “phủ Duy Xuyên (Năm Bảo Đại thứ 6 [1931] đổi huyện Duy Xuyên thành phủ Duy Xuyên. Tên gọi này tồn tại đến cuối năm 1946⁽⁴⁾).

3. Đặt lý sở dinh Quảng Nam trên đất Duy Xuyên

Có một mối liên hệ là trước khi đổi tên huyện Hy Giang thành huyện Duy Xuyên thì trước đó 2 năm, Nguyễn Hoàng đã cho đổi tên gọi xứ thừa tuyên Quảng Nam (bấy giờ gọi là “xứ Quảng Nam” - không rõ đây là cách gọi rút ngắn từ “xứ thừa tuyên Quảng Nam”, hay đã có sự thay đổi chính thức về tên gọi đơn vị hành chính bỏ hai từ “thừa tuyên”, chỉ còn lại là “xứ”?) thành dinh Quảng Nam và cho đặt lý sở dinh Quảng Nam tại huyện Hy Giang. Quốc sử quán Triều Nguyễn cho biết sự kiện này diễn ra vào tháng 7 mùa thu năm Nhâm Dần [1602], Nguyễn Hoàng “Sai hoàng tử thứ sáu làm trấn thủ dinh Quảng Nam. Quảng Nam đất tốt dân đông, sản vật giàu có, số thuế nộp vào nhiều hơn Thuận Hóa mà số quân thì cũng bằng quá nửa. Chúa thượng để ý kinh dinh đất này. Đến đây, đi chơi Hải Vân, thấy một dải núi cao dằng dài mấy trăm dặm nằm ngang đến bờ biển. Chúa khen rằng: “Chỗ này là đất yết hầu của miền Thuận Quảng”. Liền vượt qua núi xem xét hình thế, *dựng trấn dinh ở xã Cầm Húc (thuộc huyện Duy Xuyên)*, xây kho tàng, chứa lương thực, sai hoàng tử thứ sáu trấn giữ. Lại dựng chùa Long Hưng ở phía đông trấn” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, 36).

Việc chọn vị trí đặt lý sở là rất quan trọng, bởi nó phải đảm bảo những yêu cầu đặt ra của một cơ quan đầu não quân sự, chính trị và cả về phát triển kinh tế của một đơn vị hành chính. Trong *Phủ biên tạp lục*, khi viết về vị trí Dinh Chiêm Lê Quý Đôn có nói đến địa danh Kê Thế (Lê Quý Đôn, 1977, 117) lại có thêm chỉ dẫn của Pierre Poivre (hay Le Poivre) là một chứng nhân người Pháp viết trong hồi ký về xứ Cochinchine (*Mémoire sur la Cochinchine*) vào năm 1744, khi viết về tỉnh Cham (tức dinh Quảng Nam), cho biết: “viên quan tỉnh đóng trị sở tại Kéta, dọc bờ sông” (Poivre (Nguyễn Phan Quang dịch), 1991, 77). Trong *Hành trình đến Madagasca và Đông Ấn*, Abbé Rochon (tức Alexis Marie de Rochon) cũng là một chứng nhân người Pháp, cho biết nơi quan trấn thủ tỉnh Cham đóng lý sở tại Reta, cách không xa hai nhà thờ - một của Dòng Tên Bồ Đào Nha và một của Dòng Phanxicô Tây Ban Nha, nhưng lại cùng phía với một nhà thờ của người Pháp: “Viên trấn thủ tỉnh này ở một nơi cách chừng một dặm, tại một nơi gọi là Reta, nằm trên bờ sông, là nơi mà những nhà truyền giáo người Pháp có một nhà thờ” (Rochon, 1971, 308; Nguyễn Duy Chính, 2008, 58).

Quốc sử quán Triều Nguyễn cho biết, chi nhánh của sông Thu Bồn “chảy về phía đông qua xã Mỹ Xuyên, tục gọi là sông Kê Thỉ” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, 421), hay “tục danh sông Kê Thế (hay Kỳ Thế)” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1964, 38), còn cuốn *Linh địa Trà Kiệu* viết, trong những giáo dân đầu tiên của giáo xứ Trà Kiệu là ông bà tên Quỳnh từ Hà Nội “Vào Quảng Nam ở Kê Tả, sau cải lại là Kê Thá (Mỹ Xuyên) (Cf. Jos. M. PCĐ và Matheo LVT, 2018, 69-70), cả tài liệu *Lược sử giáo họ Mỹ Xuyên* cũng xác định: “Theo dòng lịch sử của Giáo hội Công giáo Việt Nam, thì họ đạo Mỹ Xuyên ngày nay trước kia gọi là Kê Thá (Kê Tha?). Theo lời truyền khẩu thì địa danh Kê Thá do các vị giáo sĩ ngoại quốc đặt” (Giuse Phạm Ba, 2019), cùng với khảo sát các địa danh còn lại trên thực địa, tôi xác định Kéta (theo Poivre), hay Reta (theo Rochon) chính là Kê Thá, hay Kê Thế/ Kỳ Thế, là nơi chúa Tiên Nguyễn Hoàng cho đặt lý sở dinh Quảng Nam vào năm 1602, về sau thuộc làng Mỹ Xuyên Đông và nay ở vào khoảng khu vực khối phố Bình An của thị trấn Nam Phước, huyện

Duy Xuyên (Ngô Văn Minh, 2002, 358-362; Ngô Văn Minh, 2016, 587-595), còn nhà thờ người Pháp ở cùng một bên với nơi quan trấn thủ cư ngụ tại lỵ sở của mình mà Rochon nói đến chính là nhà thờ họ đạo Kê Thá, sau gọi là nhà thờ họ đạo Mỹ Xuyên, còn nay là nhà thờ giáo họ Bình An tại khối phố Bình An của thị trấn Nam Phước⁽⁵⁾.

Nếu chỉ dừng lại ở sự kiện năm Nhâm Dần [1602] thì sẽ không hiểu vì sao Nguyễn Hoàng lại đặt lỵ sở dinh Quảng Nam ở tận cùng phía bắc của dinh này. Thế nhưng, nếu kết nối với sự kiện năm Giáp Thìn [1604] Nguyễn Hoàng lấy huyện Điện Bàn thuộc phủ Triệu Phong đặt làm phủ Điện Bàn, cho lệ thuộc vào dinh Quảng Nam và cho đổi tên huyện Hy Giang thành huyện Duy Xuyên thì chúng ta sẽ hiểu được việc đặt lỵ sở này nằm trong cái nhìn chiến lược của Nguyễn Hoàng về một dinh Quảng Nam mới có thêm phần đất rộng lớn ở phía bắc là phủ Điện Bàn. Như vậy, cần tạo cho dinh Quảng Nam có những lợi thế để đáp ứng tốt hơn vị trí, vai trò là một hậu phương/hậu dinh cho Chính dinh Thuận Hóa, cũng như cho đại nghiệp tiếp tục mở cõi về phương Nam. Nguyễn Hoàng đã có bước đi tiên khởi từ năm 1602, khi đặt lỵ sở dinh Quảng Nam, ông cũng đồng thời cho “xây kho tàng, chứa lương thực, sai hoàng tử thứ sáu trấn giữ”. Trong số những người con trai của Nguyễn Hoàng thì 4 người con trai đầu và người thứ 9 đã mất trước. Người thứ năm đang làm con tin ở Bắc, chỉ còn lại người thứ sáu là Nguyễn và một người nữa tên là Khê (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997, 38-43). Trong hai người này thì Nguyễn Phúc Nguyên “tuổi lớn lại giỏi, ngày thường cùng các tướng bàn luận việc binh, tính toán có nhiều việc đúng” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, 38), được Nguyễn Hoàng nhìn nhận là người “có tài lạ” nên tin tưởng giao cho chức trấn thủ dinh Quảng Nam để về sau sẽ tiếp tục ngôi chúa khi ông qua đời. Nhìn nhận về quyết định này của Nguyễn Hoàng, giáo sư sử học Mỹ Keith W. Taylor cho rằng: “Nguyễn Hoàng cuối cùng đã thiết lập sự hiện diện trực tiếp của gia đình mình tại Quảng Nam vào năm 1602, ít lâu sau chuyển ra đi định mệnh từ phương Bắc. Thực tế ông đặt người con trai có năng lực nhất trấn thủ ở đó bộc lộ tầm quan trọng mà ông gán cho vùng đất này” (Taylor, 2001, 180). Giao cho Nguyễn Phúc Nguyên làm trấn thủ dinh Quảng Nam, Nguyễn Hoàng còn để cho vị mưu thần vào hàng quan trọng nhất của mình là Thống binh Thái phó Mạc Cảnh Huống, người đã cùng với Nguyễn Ư Dĩ và Tống Phước Trữ “tham mưu trong màn trướng. Giúp việc lúc khai quốc” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997, 89) vào dinh Quảng Nam trợ giúp cho vị trấn thủ này. Mạc Cảnh Huống đã chọn làng Trà Kiệu, cách không xa lỵ sở dinh Quảng Nam làm nơi định cư và đã trợ giúp rất nhiều cho Nguyễn Phúc Nguyên⁽⁶⁾. Việc đặt lỵ sở dinh Quảng Nam còn nằm trong cái nhìn địa kinh tế của Nguyễn Hoàng, bởi huyện Hy Giang (2 năm sau đổi là huyện Duy Xuyên) có lợi thế cho ngoại thương qua đường biển. Nếu như việc đổi tên gọi hành chính xứ Quảng Nam thành dinh Quảng Nam thiên về chế độ quân sự, vì dinh có nghĩa là đạo quân, thì việc đặt lỵ sở dinh Quảng Nam tại Hy Giang/ Duy Xuyên lại thiên về hướng đến tạo thuận lợi cho phát triển ngoại thương. Bởi hai bên Cửa Đại bấy giờ đều là nơi mở ra buôn bán với các nước. Sát về phía nam Cửa Đại có Trung Phường là nơi “có cửa biển, có tàu buôn ngoại quốc tới lui, có người nước ngoài cư ngụ” (Quang Văn Cậy, 2008, 169-173) và Trà Nhiêu nằm ở khu vực hội nhau của những nhánh sông, là “nơi đình bạc của các tàu ngoại quốc” (Thích Đại Sáng, 1963, 154). Về phía bắc Cửa Đại thì từ cuối thế kỷ XVI Hội An đã nổi lên là một thương cảng. Tuy nhiên, bấy giờ việc buôn bán vẫn còn chủ yếu nằm trong tay người dân. Do đó, việc đặt lỵ sở dinh Quảng Nam cách không xa Hội An cũng như trao cho quan trấn thủ dinh Quảng Nam được quyền giao thiệp trực tiếp với thương nhân nước ngoài và kiểm soát ngoại thương, như Keith W. Taylor nhận xét: “Nguyễn Hoàng chọn địa điểm cho đại bản doanh của con mình tại một vị trí tuyệt vời để giám sát cảng buôn này mà không bị nó chi phối” (Taylor, 2001, 180).

Huyện Duy Xuyên giữ vai trò là nơi đặt thủ phủ dinh Quảng Nam cả một thời gian dài, suốt thời kỳ các chúa Nguyễn, cho đến khi quân Tây Sơn đánh ra, chia làm hai cánh đóng ở Thế Giang huyện Duy Xuyên (sông Kỳ Thế) và Cối Giang (tức sông Chợ Cui) trong hai lần tấn công vào tháng 11 năm Quý Tỵ (1773) và vào đầu năm Giáp Ngọ (1774), khiến cho Dinh Chiêm bị kẹp ở giữa (Sông Kê Thế ở phía nam, sông Chợ Cui ở phía bắc), quân Chúa Nguyễn chống đánh không nổi, đành phải bỏ lỵ sở này (Quách Tấn – Quách Giao, 1988, 75-76).

4. Tạo duyên cho Phật giáo ở Duy Xuyên

Nhận thấy Phật giáo có thể làm nơi nương tựa tinh thần cho ý định xây dựng đại nghiệp của mình, Nguyễn Hoàng đã cho xây dựng nhiều ngôi chùa, đặt nền móng cho sự phát triển của Phật giáo ở vùng Thuận - Quảng. Trong *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nguyễn Lang nhìn nhận: “Trong thâm ý của chúa Nguyễn, đạo Phật có thể làm nơi nương tựa tinh thần cho công trình lập quốc của dòng họ Nguyễn” (Nguyễn Lang, 2019, 444). Li Tana đi sâu phân tích: “Trong tình hình mới này, các nhà lãnh đạo họ Nguyễn cảm thấy cần phải đưa ra một cái gì đó khác với tín ngưỡng của người Chăm để củng cố các di dân người Việt về mặt tinh thần và tâm lý. Không thể sử dụng Khổng giáo vì những khẳng định cơ bản của Khổng giáo trực tiếp mâu thuẫn với vị trí của họ Nguyễn bị coi là một chế độ ly khai và nổi loạn đối với triều đình. Tuy nhiên, họ Nguyễn lại không dám đi quá xa và không dám tìm ra một giải pháp hoàn toàn khác biệt với truyền thống của người Việt ở phía Bắc. Trong những hoàn cảnh đó, Phật giáo Đại Thừa đã cung cấp một giải pháp đáp ứng nhu cầu của họ Nguyễn. Phật giáo, một mặt đẩy mạnh bản sắc dân tộc của người Việt và mặt khác làm lắng đọng các mối lo âu của người di dân mà không đặt lại vấn đề về tính hợp pháp của những người cai trị” (Tana, 1999, 194).

Nguyễn Hoàng đã cho xây chùa Thiên Mục vào năm Tân Sửu [1601] ở bờ bắc sông Hương “để tụ khí thiêng, cho bền long mạch” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, 35). Năm sau, Nhâm Dần [1602] cho dựng lại chùa Sùng Hóa trên nền cũ ở xã Triêm Ân huyện Phú Vang. Cũng trong năm Nhâm Dần này, khi đặt lỵ sở dinh Quảng Nam, ông đồng thời cho xây dựng chùa Long Hưng ở phía đông lỵ sở. Năm Đinh Mùi [1607] lại tiếp tục cho xây chùa Bảo Châu ở xã Trà Kiệu, rồi hai năm sau đó, Kỷ Dậu [1609] lại cho dựng chùa Kính Thiên ở phường Thuận Trạch, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình. Như vậy, Nguyễn Hoàng là người đã trợ duyên cho Phật giáo trên đất Duy Xuyên, bởi chỉ trong 5 năm (1602 - 1607) ông đã cho xây dựng 2 ngôi chùa tại đây.

Về chùa Long Hưng, khi viết *Đại Nam nhất thống chí* Quốc sử quán Triều Nguyễn đã không biết rõ vị trí chính xác ở đâu, chỉ “chép lại để giữ tên cổ” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, 450). Trong lần đi điền dã (cùng đi có ông Dương Đức Quý, Trưởng phòng Văn hóa Thông tin huyện Duy Xuyên) vào cuối năm 2002, khi đến chùa Hưng Phước chúng tôi được sư trụ trì Thích Huệ Thới đã 84 tuổi cho biết chính chùa này trước có tên là chùa Long Hưng. Chùa Hưng Phước trước vốn quay mặt về hướng đông, trong chiến tranh bị đổ nát do quân Đại Hàn (Nam Triều Tiên) bắn phá, sau ngày giải phóng mới xây lại nhưng không phải ở đúng chỗ cũ, vẫn còn những pho tượng Phật rất cổ. Chùa này, theo thông tin từ tập tài liệu *Xã chí Quảng Nam* thì ngày xưa thuộc làng Phụng Tây, có đến 32 tượng Phật (5 tượng kẽm, 2 tượng gang, 1 tượng chì, 9 tượng bằng gỗ, còn lại là các tượng bằng đất đắp sơn thết, 1 vài lư hương bằng gốm trên 70 năm”. Chùa Bảo Châu thì đến thời Tự Đức vẫn còn (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, 449).

Từ sự trợ duyên của Nguyễn Hoàng, tại Duy Xuyên, Phật giáo tiếp tục phát triển vào thời các chúa Nguyễn về sau. Vị thiền sư Minh Châu Hương Hải (1628 - 1715) đã có thời gian tu trì tại hương cũ ở xã Bình An Thượng, thuộc Chu tượng, phủ Thăng Hoa, được xem là người có vai trò dẫn dắt Phật giáo ở Đàng Trong trước khi ông trở ra Bắc. Xã Bình An Thượng vào thời Đồng Khánh đổi tên thành Thượng Bình, nằm ngay bờ nam sông Thu Bồn, cạnh xóm Bình An của làng Mỹ Xuyên Đông (thuộc thị trấn Nam Phước hiện nay)⁽⁷⁾. Phật giáo ở Duy Xuyên tiếp tục xiển dương dưới thời Triều Nguyễn. Tập tài liệu *Xã chí Quảng Nam* cho thấy, đến thập niên 1940 tại phủ Duy Xuyên có đến 29 ngôi chùa. Trong số đó có những chùa lớn, như chùa Thiên Lương (34 tượng), chùa Hưng Phước (32 tượng), chùa Kiến Long (30 tượng)⁽⁸⁾.

5. Kết luận

Chỉ 5 năm từ 1602 đến 1607 Chúa Tiên Nguyễn Hoàng đã có những quyết định quan trọng liên quan trực tiếp đến vùng đất Duy Xuyên. Các quyết định này từ việc đặt lỵ sở, đổi tên gọi hành chính đến xây chùa Phật giáo đều nằm trong tầm nhìn chiến lược của ông nhằm tạo những điều kiện tiên khởi đảm bảo cho huyện Duy Xuyên trở thành một trung tâm chính trị - hành chính - tôn giáo của dinh Quảng Nam, để dinh Quảng Nam giữ vai trò quan trọng về tiềm lực giúp cho

Phủ chúa giữ vững mặt Bắc trong đối phó với quân Trịnh, mở cõi vào phương Nam và hướng Đông giao thương với thuyền buôn các nước tại Hội An./.

Chú thích:

(1) *Xã chí Quảng Nam*, lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội.

(2) Gia phả tộc Ngô Đình thôn Thanh Châu, xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên.

(3) Cao Xuân Dục, Lưu Đức Xung, Trần Xán (1964), *Đại Nam nhất thống chí, quyển 5: Tỉnh Quảng Nam*, Nha Văn hóa Bộ Quốc gia giáo dục Việt Nam Cộng hòa xuất bản, tr.9. Bản dịch chú nhằm năm Minh Mạng thứ 17 là năm 1846. Đúng ra là năm 1836. Tuy nhiên, có một nghi vấn về năm sáp nhập huyện Duy Xuyên vào phủ Điện Bàn là trước đó, khi hoàn thành bộ sách *Lịch triều hiến chương loại chí* vào năm 1819, Phan Huy Chú đã viết huyện Duy Xuyên thuộc phủ Điện Bàn. Xem Phan Huy Chú (1992), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.166.

(4) Theo tài liệu của Ủy ban kháng chiến hành chính Quảng Nam về *Sự thành lập và thay đổi danh từ, giới hạn các huyện tỉnh Quảng Nam từ năm Gia Long thứ 1 (1802) đến sau cuộc Cách mạng tháng Tám thành công*, lưu Trung tâm lưu trữ quốc gia III. Theo *Hiến pháp Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* (Quốc hội Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua ngày 9/11/1946) về tổ chức hành chính không còn cấp phủ và cấp tổng: “Nước Việt Nam về phương diện hành chính gồm có 3 bộ: Bắc, Trung, Nam. Mỗi bộ chia thành tỉnh, mỗi tỉnh chia thành huyện, mỗi huyện chia thành xã”. Theo đó, phủ Duy Xuyên trở lại với tên gọi hành chính huyện Duy Xuyên và tiến hành hợp xã lần thứ nhất trong năm 1946 từ 129 làng (xã cũ) còn lại 36 xã mới.

(5) Giuse Phạm Ba cũng đã viết trong *Lược sử giáo họ Mỹ Xuyên*: “Đã có thời họ đạo Kê Thá đóng vai trò là trụ sở của các giáo sĩ Dòng Tên rồi Thừa sai Pháp, Đức Cha Phanxico Perez vị giám mục thứ 3 của địa phận Đà Nẵng, Đức cha đã ẩn náu ở Kê Thá trong thời gian cấm cách. Ngài lâm bệnh tại Mỹ Xuyên trên đường đi kinh lý giáo phận và qua đời tại đây vào tháng 7 năm 1729”, tr.2.

(6) Nguyễn Phúc Nguyên gọi vợ của Mạc Cảnh Huống là di ruột, được ông bà Mạc Cảnh Huống - Nguyễn Thị Ngọc Dương nhận làm thân tử khi mới 2 tuổi. Mạc Thị Giai, cháu ruột của Mạc Cảnh Huống là vợ của Nguyễn Phúc Nguyên, trở thành Hy Tông Hiếu Văn hoàng hậu. Con trai Mạc Cảnh Huống là Mạc Cảnh Vinh lấy con gái trưởng Nguyễn Thị Ngọc Liên của Nguyễn Phúc Nguyên, có công đánh dẹp vụ tạo phản của lưu phủ Phú Yên là Văn Phong, mở đất đến Bình Khang lập ra doanh Trấn Biên, được ban ấn đồ. Dẫn theo Huỳnh Công Bá “*Về quyền gia phả của hậu duệ nhà Mạc ở Trà Kiệu (Duy Xuyên - Quảng Nam)*”, Thông báo Hán Nôm học, 1997, tr.22-30. Mộ ông Mạc Cảnh Huống và mộ bà Mạc Thị Giai đều ở trên đất huyện Duy Xuyên.

(7) Về sau do những trận lụt lớn, làng Thượng Bình bị sụt lở hết xuống sông. Theo Hy Giang (2022), *Que hương của Thiên sư Hương Hải*, link <https://baoquangnam.vn/que-huong-cua-thien-su-huong-hai-3054789.html> [truy cập ngày 27/2/2024].

(8) *Xã chí Quảng Nam*, lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

Cao Xuân Dục, Lưu Đức Xung, Trần Xán (1964). *Đại Nam nhất thống chí, quyển 5: Tỉnh Quảng Nam*. Nha Văn hóa Bộ Quốc gia giáo dục Việt Nam Cộng hòa xuất bản.

Cf. Jos. M. PCĐ và Matheo LVT (2018). *Linh Địa Trà Kiệu*. Nxb Tôn Giáo. Hà Nội.

Đảng bộ huyện Duy Xuyên (1996) *Lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân Duy Xuyên dưới sự lãnh đạo của Đảng, tập I (1930-1954)*. xuất bản.

Đào Duy Anh (2005). *Đất nước Việt Nam qua các đời*. Nxb Văn hóa Thông tin.

Giuse Phạm Ba (2019). *Lược sử giáo họ Mỹ Xuyên*, bản in vi tính (tài liệu nội bộ của Giáo họ Mỹ Xuyên).

Hội đồng chư tộc Ngũ xã Trà Kiệu (2005). *Ngũ xã Trà Kiệu Xưa & Nay (Đặc san)*. Hội đồng chư tộc Ngũ xã Trà Kiệu xuất bản.

Hội đồng gia tộc Ngô Đình (thôn Thanh Châu, xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam): *Gia phả tộc Ngô Đình thôn Thanh Châu, xã Duy Châu*.

- Huỳnh Công Bá (2018). *Công cuộc khai khẩn và phát triển làng xã ở Bắc Quảng Nam – Đà Nẵng từ giữa thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XVIII*. Nxb Đà Nẵng.
- Hy Giang (2022). *Quê hương của Thiền sư Hương Hải*. Truy cập tại <https://baoquangnam.vn/que-huong-cua-thien-su-huong-hai-3054789.html>, ngày 27/2/2024]
- Lê Quý Đôn (1977). *Toàn tập*, Tập I: *Phủ biên tạp lục*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Lê Quý Đôn (1977). *Toàn tập*, tập II: *Kiến văn tiểu lục*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Li Tana (1999). *Xứ Đàng Trong, Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*. Nxb Trẻ.
- Nguyễn Duy Chính (2008). *Đàng Trong thời Chúa Nguyễn. Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 6 (71).
- Nguyễn Lang (2019). *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập II. Nxb Hồng Đức.
- Nhiều tác giả (2001). *Những vấn đề lịch sử Việt Nam*. Nxb Trẻ.
- Nhiều tác giả (2017). *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản in Nội các quan bản). Nxb Văn học - Công ty văn hóa Đông Á.
- Phan Huy Chú (1992). *Lịch triều hiến chương loại chí*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Quách Tấn - Quách Giao (1988). *Nhà Tây Sơn. Sở Văn hóa và Thông tin Nghĩa Bình* xuất bản.
- Quốc hội Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1946). *Hiến pháp Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* (Quốc hội Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua ngày 9/11/1946).
- Quốc Sử quán Triều Nguyễn (1964). *Đại Nam nhất thống chí, Quyển 5*. Nha Văn hóa Bộ Quốc gia giáo dục Việt Nam Cộng hòa xuất bản.
- Quốc sử quán Triều Nguyễn (1997). *Đại Nam liệt truyện*, tập 1. Nxb Thuận Hóa. Huế.
- Quốc sử quán Triều Nguyễn (2002). *Đại Nam thực lục*, tập 1. Nxb Giáo dục.
- Quốc Sử quán Triều Nguyễn (2006). *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2. Nxb Thuận Hóa. Huế.
- Rochon, Abbé (1791). *Voyage a Madagascar et aux Indes Oritientales*. Paris.
- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Quảng Nam (2022). *Quảng Nam 550 năm hình thành và phát triển (1471-2021)*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia . Nxb Đà Nẵng.
- Sở Văn hóa Thông tin Quảng Nam (2002). *Vai trò lịch sử dinh trấn Quảng Nam* (Kỷ yếu Hội thảo). Sở Văn hóa Thông tin Quảng Nam xuất bản.
- Thích Đại Sán (1963). *Hải ngoại ký sự*. Ủy ban biên dịch sử liệu Việt Nam - Viện Đại học Huế.
- Trung tâm quản lý bảo tồn di tích thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hội An (2008). *Kỷ yếu Hội nghị khoa học về khu phố cổ Hội An (23-24/7/1985)*.
- Ủy ban kháng chiến hành chánh Quảng Nam. *Sự thành lập và thay đổi danh từ, giới hạn các huyện tỉnh Quảng Nam từ năm Gia Long thứ 1 (1802) đến sau cuộc Cách mạng tháng Tám thành công*. Lưu Trung tâm lưu trữ quốc gia III.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Bộ Khoa học và Công nghệ (2016). *Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ quốc ngữ* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học).
- Viện Nghiên cứu Hán Nôm (1997). *Thông báo Hán Nôm học*.
- Viện Sử học (1991). *Nghiên cứu lịch sử*. số 1 (254). 1991
- Xã chí Quảng Nam*. Lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Hà Nội.